

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05 – 8 – 2021
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Chung;
2. Ông Huỳnh Thanh Phong.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Châu San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 195/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 392/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 414/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị K, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 06, ấp TT, xã NH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Đặng Vũ P, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 31, ấp TT, xã NH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Lâm Thị K vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Đặng Vũ P vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của bà Lâm Thị K; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị K và ông Đặng Vũ P do mai mối nên quen biết, sau đó được gia đình cho tiến đến hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện AP, tỉnh An Giang (theo Trích lục kết hôn số 231/TLKH-BS ngày 27/3/2014).

Quá trình chung sống, giữa bà K và ông P phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Bà K và ông P đã sống ly thân từ cuối năm 2013 đến nay, không hàn gắn tình cảm. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà K và ông P sinh được 01 (một) con chung tên Đặng Tuấn H, sinh ngày 03/6/2012. Hiện tại, cháu H đang sống với bà K. Bà K có yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Đặng Vũ P để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 11/6/2021 nhưng ông P vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông M, ông M cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án.

Ngày 11/6/2021, bà K có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận công việc làm ăn, tình hình dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Các tài liệu, chứng cứ do bà Lâm Thị K giao nộp: Bản sao Trích lục kết hôn số 231/TLKH-BS ngày 27/3/2014; bản sao Trích lục khai sinh mang tên Đặng Tuấn H, sinh ngày 03/6/2012; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Lâm Thị K; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lâm Thị K.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Đặng Vũ P giao nộp: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai người làm chứng tên Nguyễn Thị T; biên bản ghi nhận ý kiến cháu Đặng Tuấn H; biên bản xác minh tại Ban ấp TT, xã NH, huyện An Phú.

Tại phiên tòa, do bà K và ông P cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà K, biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Nguyễn Thị T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 11/6/2021, bà Nguyễn Thị T cho biết: Bà T là mẹ ruột của bà Lâm Thị K, sinh năm 1983.

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà K và ông P do mai mối, tiến đến hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện AP, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống, giữa bà K và ông P có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2013 đến nay. Bà T có yêu cầu Tòa án sớm giải quyết cho bà K và ông P được ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà K và ông P sinh được 01 (một) con chung tên Đặng Tuấn H, sinh ngày 03/6/2012. Hiện tại, cháu H đang sống với bà K.

Về tài sản chung, nợ chung: Không rõ.

Do nhà xa, sức khỏe yếu nên bà T yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 11/6/2021, cháu Đặng Tuấn H thể hiện nguyện vọng muốn được tiếp tục chung sống với bà K.

- Theo biên bản xác minh tại Ban ấp TT, xã NH, huyện AP có sự xác nhận của Công an xã NH, đại diện Ban ấp TT cho biết: Ông Đặng Vũ P, sinh năm 1983 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 31, ấp TT, xã NH, huyện AP, tỉnh An Giang. Ông P thường xuyên sinh sống tại địa phương. Ông P và bà K sống ly thân nhau đã lâu, hiện nay ông P đã lập gia đình với người khác.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông Đặng Vũ P vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do; bà Lâm Thị K có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng bà Nguyễn Thị T đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà Lâm Thị K, bà Nguyễn Thị T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà K và ông P đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K. Về con chung, chấp nhận yêu cầu của bà K về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy con chung tên Đặng Tuấn H, sinh ngày 03/6/2012, ghi nhận sự tự nguyện của bà K về việc không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Đặng Vũ P đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông P đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông P đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Lâm Thị K có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng bà Nguyễn Thị T có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các

đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa bà Lâm Thị K và ông Đặng Vũ P hình thành do mai mối, sau đó tiến đến hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện AP, tỉnh An Giang (theo bản sao Trích lục kết hôn số 231/TLKH-BS ngày 27/3/2014). Ông P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Ấp TT, xã NH, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của bà Lâm Thị K, người làm chứng bà Nguyễn Thị T thì quá trình chung sống, bà K và ông P chung sống với nhau không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Đến năm 2013 thì bà K và ông P sống ly thân cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Đại diện Ban ấp TT, xã NH cũng xác nhận bà K và ông P đã ly thân từ lâu, hiện nay ông P đã có gia đình khác.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa bà K và ông P lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Việc cả hai sống ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận thấy mục đích hôn nhân giữa bà K và ông P không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà K và ông P sinh được 01 (một) con chung tên Đặng Tuấn H, sinh ngày 03/6/2012. Hiện tại, cháu H đang sống với bà K. Bà K có yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi xem xét điều kiện nuôi con của bà K và xem xét nguyện vọng của cháu Đặng Tuấn H. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để bà K được trực tiếp nuôi dạy con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho bà K về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người không trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung, nhưng bà K vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của bà K trong việc không yêu cầu ông P cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Đặng Vũ P cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Lâm Thị K. Ngược lại, bà Lâm Thị K cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Đặng Vũ P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lâm Thị K khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, nếu sau này ông Đặng Vũ P có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Lâm Thị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Đặng Vũ P không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Lâm Thị K và ông Đặng Vũ P có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị K được ly hôn với ông Đặng Vũ P.

2. Về con chung: Bà Lâm Thị K được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Đặng Tuấn H, sinh ngày 03/6/2012. Ông Đặng Vũ P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đặng Vũ P cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Lâm Thị K. Ngược lại, bà Lâm Thị K cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Đặng Vũ P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Lâm Thị K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được

khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà K đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0007143 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang.

Ông Đặng Vũ P không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Lâm Thị K và ông Đặng Vũ P. Bà K và ông P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 231, quyển số 02 ngày 16/11/2009 của Ủy ban nhân dân xã NH, huyện AP, tỉnh An Giang cấp cho bà Lâm Thị K và ông Đặng Vũ P không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã NH (1);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Tuân